



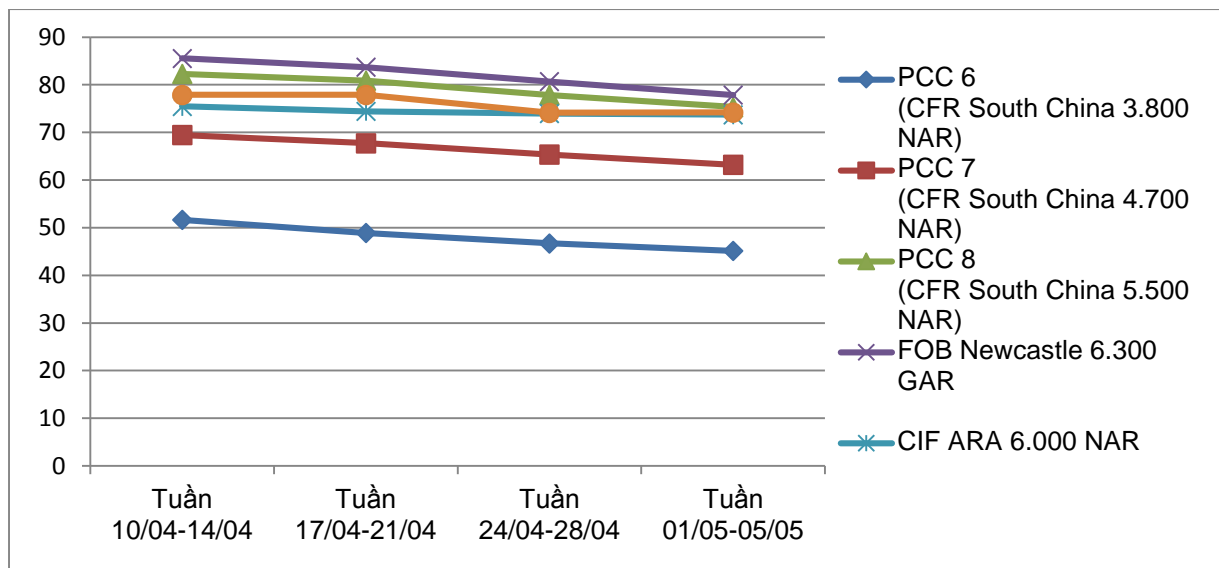
BẢN TIN THAN TUẦN 1 - THÁNG 5
(Từ 01/05 – 05/05/2017)

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá	Tuần 10/04-14/04	Tuần 17/04-21/04	Tuần 24/04-28/04	Tuần 01/05-05/05
PCC 6 (CFR South China 3.800 NAR)	51,66	48,90	46,7	45,13
PCC 7 (CFR South China 4.700 NAR)	69,45	67,75	65,35	63,2
PCC 8 (CFR South China 5.500 NAR)	82,31	80,90	77,85	75,33
FOB Newcastle 6.300 GAR	85,56	83,69	80,69	77,85
CIF ARA 6.000 NAR	75,46	74,44	73,95	73,73
FOB Richards Bay 6.000 NAR	77,91	77,91	74,12	74,20
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	88,09	88,09	81,9	79,35



Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 1 tháng 5 (2017)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

	Cước vận tải tuần 3 tháng 4	01/05	02/05	03/05	04/05	05/05
Tàu Capesize (150.000 tấn)						
1	Úc – Trung Quốc	N/A	7,00	6,75	6,60	6,65
2	Queensland – Nhật Bản	N/A	8,15	7,90	7,75	7,80
3	New South Wales – Hàn Quốc	N/A	8,30	8,05	7,90	7,95
Tàu Panamax (70.000 tấn)						
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	N/A	11,70	11,55	10,90	10,80
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	N/A	7,25	7,15	7,10	7,05
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	N/A	12,10	11,95	11,30	11,20
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	N/A	6,20	6,10	6,05	6,00
5	Úc - Trung Quốc	N/A	10,10	10,00	9,50	9,25
6	Úc - Ấn Độ	N/A	11,60	11,50	11,00	10,80

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

II. ĐIỂM TIN

Peabody Energy đạt doanh thu cao trong quý I

Doanh thu trong quý I/2017 của Peabody đã tăng 29% so với cùng kỳ năm trước, từ 1,03 tỷ USD lên 1,33 tỷ USD. Cụ thể doanh thu từ khu vực sông Powder và Western tăng lần lượt 26%, 17%, doanh thu mang lại từ than luyện kim và than nhiệt Úc tăng trung bình 139% và 44%. Theo ông Glenn Kellow, Tổng giám đốc điều hành Peabody: "Kết quả trong quý I của Peabody đã được cải thiện đáng kể so với năm trước trên tất cả các mặt, phản ánh nhu cầu đang tăng cao ở Mỹ và lợi nhuận cho cả than nhiệt và luyện kim Úc". Thu nhập trước thuế, trả lãi và khấu hao (EBITDAR) trong quý I/2017 đạt mức 390 triệu USD, tăng 304,9 triệu USD so với quý I/2016. Điều chỉnh Ebitdar đã bao gồm khoảng 30 triệu USD thiệt hại do ảnh hưởng từ cơn bão Debbie ở Úc và khoản tiền 20 triệu USD thu được nhờ bán 37,5% cổ phần tại Dominion Terminal Associates, Virginia, trong kế hoạch quản lý danh mục đầu tư đang được thực hiện. Ông Kellow cũng cho biết thêm: "Chúng tôi mong muốn củng cố bảng cân đối kế toán, hồi phục các chuyến hàng ở Queensland, và giữ lại mỏ Metropolitan, New South Wales." Công ty sẽ tiếp tục duy trì mỏ than cốc Metropolitan và 16,67% cổ phần tại cảng Kembla, sau khi công ty South32 không thể thực hiện được giao dịch trị giá 200 triệu USD và chấm dứt thỏa thuận mua bán vào tháng trước. Peabody dự kiến trong cả năm sẽ sản xuất khoảng 145 đến 155 triệu tấn than từ các mỏ tại Mỹ, và từ 32 đến 34 triệu tấn than từ các mỏ tại Úc.

(Nguồn: miningweekly)

Glencore và NMNĐ Tohoku ký kết hợp đồng với mức giá cao kỷ lục

Công ty khai thác mỏ Glencore của Úc và NMNĐ Tohoku Electric cuối cùng đã ký kết hợp đồng cung cấp than FOB Newcastle 6.322 kcal/kg GAR (tương đương 6.000 kcal/kg NAR). Thời hạn hợp đồng bắt đầu từ tháng 4/2017 đến tháng 3/2018 và được định giá 84,97 USD/ tấn, mức cao nhất kể từ năm 2013 với 95 USD/tấn.

Hợp đồng hàng năm giữa Glencore và Tohoku ký kết trong tháng 4 là cơ sở để các công ty than Úc và khách hàng Nhật Bản quyết định giá hợp đồng của họ. Giá hợp đồng năm nay đã tăng 38% - 46,50% so với năm trước ở mức 58 đến 61,60 USD/tấn. Mặc dù thấp hơn 10 USD so với mức giá thị trường trong tháng 10, thỏa thuận này vẫn có lợi cho Glencore.

Mỹ đạt mức xuất khẩu than cao nhất từ tháng 6/2014

Trong tháng 3, Mỹ đã xuất khẩu 7,27 triệu tấn than, tăng 16% so với tháng 2 và tăng 53,8% so với tháng 3 năm trước. Giá than nhiệt và than luyện kim xuất khẩu qua đường biển hồi phục vào quý III/2016 đã thúc đẩy xuất khẩu than Mỹ trong vài tháng vừa qua, và đạt mức cao nhất kể từ tháng 6/2014 trong tháng 3. Trong 3 tháng đầu năm, Mỹ đã xuất khẩu 20,24 triệu tấn than, tăng 57,6% so với cùng kỳ năm 2016.

Xuất khẩu than bitum trong tháng 3 đạt 2,9 triệu tấn, tăng 22,5% so với tháng 2 và tăng 143,6% so với cùng kỳ năm 2016, đây là mức cao nhất kể từ tháng 3/2014. Trong quý I, Mỹ đã xuất khẩu 7,6 triệu tấn than bitum, tăng 167,1% so với cùng kỳ năm trước. Các nước nhập khẩu than bitum Mỹ hàng đầu trong tháng 3 là Hà Lan, Ấn Độ và Đức lần lượt nhập khẩu 806.056 tấn, 428.383 tấn và 277.303 tấn; trong tháng 3 năm trước các nước này lần lượt nhập khẩu 448.922 tấn, 342.614 tấn và 143.599 tấn. Xuất khẩu than sub-bitum Mỹ đạt 641.505 tấn trong tháng 3, tăng 49,8% so với tháng trước và 383,1% so với tháng 3/2016, đây là tháng xuất khẩu than sub-bitum nhiều nhất kể từ tháng 3/2014. Các nước nhập khẩu than sub-bitum Mỹ hàng đầu trong tháng 3 là Hàn Quốc, Mexico và Hà Lan lần lượt nhập khẩu 314.265 tấn, 163.983 tấn và 70.609 tấn; trong khi tháng 3 năm ngoái chỉ có Mexico nhập khẩu 132.779 tấn.

(Nguồn: Platts)